

Số: 64/2008/QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày 29 tháng 7 năm 2008

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế Bảo vệ bí mật nhà nước thành phố Cần Thơ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 28 tháng 12 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước;

Căn cứ Chỉ thị số 13/2008/CT-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong tình hình mới;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an thành phố,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Bảo vệ bí mật nhà nước thành phố Cần Thơ.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày và đăng Báo Cần Thơ chậm nhất sau 05 ngày, kể từ ngày ký; đồng thời thay thế Quyết định số 2227/1998/QĐ-UBT ngày 04 tháng 9 năm 1998 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ về việc ban hành Quy chế Bảo vệ bí mật nhà nước tỉnh Cần Thơ.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, giám đốc sở, thủ trưởng cơ quan ban ngành thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trần Thanh Mẫn**

**QUY CHẾ**

**Bảo vệ bí mật nhà nước thành phố Cần Thơ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-UBND*

*ngày 29 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Bí mật nhà nước là những tin về vụ, việc, tài liệu, vật, địa điểm, thời gian, lời nói có nội dung quan trọng, thuộc lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh tế, khoa học công nghệ, các lĩnh vực khác mà Nhà nước không công bố hoặc chưa công bố và nếu bị tiết lộ thì gây nguy hại cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

**Điều 2.** Bảo vệ bí mật nhà nước là nhiệm vụ rất quan trọng của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, đơn vị vũ trang nhân dân (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức) và mọi công dân đều có nghĩa vụ, trách nhiệm bảo vệ bí mật nhà nước.

**Điều 3.** Nghiêm cấm mọi hành vi thu thập, làm lộ, làm mất, chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy trái phép bí mật nhà nước và việc lạm dụng bảo vệ bí mật nhà nước để che giấu hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và công dân hoặc làm cản trở việc thực hiện kế hoạch Nhà nước.

**Chương II**

**QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC**

**Điều 4. Danh mục bí mật nhà nước độ “Tuyệt mật”**

1. Tài liệu đã ấn định và đóng dấu độ “Tuyệt mật” do các cơ quan Trung ương và địa phương gửi đến.
2. Danh mục bí mật nhà nước độ “Tuyệt mật” do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

**Điều 5. Danh mục bí mật nhà nước độ “Tối mật”**

1. Tài liệu, tư liệu, số liệu đã được ấn định, đóng dấu “Tối mật” do nơi khác gửi đến.
2. Danh mục bí mật nhà nước độ “Tối mật” do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

**Điều 6. Danh mục bí mật nhà nước độ “Mật”**

1. Tài liệu, tư liệu, số liệu đã được ấn định, đóng dấu “Mật”.
2. Danh mục bí mật nhà nước độ “Mật” do Bộ Công an quyết định.

**Điều 7.** Định kỳ quý I hàng năm, Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, đề xuất với Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công an việc sửa đổi, bổ sung, giải mật danh mục bí mật nhà nước thuộc Tuyệt mật, Tối mật, Mật (nếu có).

**Chương III**

**TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC VÀ CÔNG DÂN  
VỀ BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC**

**Điều 8. Soạn thảo, in, sao, chụp tài liệu, vật mang bí mật nhà nước**

1. Việc soạn thảo, in, sao, chụp tài liệu, vật mang bí mật nhà nước phải thực hiện theo các quy định sau đây:

a) Người được giao nhiệm vụ soạn thảo, in, sao tài liệu bí mật nhà nước phải nắm vững Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước, Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2003 của Chính phủ và Thông tư số 12/2002/TT-BCA ngày 13 tháng 9 năm 2002 của Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước và Quy chế này;

b) Khi soạn thảo văn bản có nội dung bí mật nhà nước, người soạn thảo văn bản đề xuất độ mật từng tài liệu, người duyệt ký văn bản chịu trách nhiệm đóng dấu độ mật và phạm vi lưu hành tài liệu. Đối với vật mang bí mật nhà nước phải có văn bản ghi rõ tên của vật lưu kèm theo và đóng dấu độ mật vào văn bản này;

c) Việc in, sao, chụp các tài liệu có độ mật phải được sự đồng ý bằng văn bản của người có trách nhiệm lập danh mục bí mật nhà nước. Phải ghi rõ số lượng in ấn, sao chụp, nơi nhận.

d) Đánh máy, in, sao, chụp tài liệu phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy trình bảo mật đã được quy định; không được sử dụng máy tính nối mạng Internet để đánh máy, in, sao tài liệu mật; tổ chức soạn thảo in, sao, chụp... phải ở nơi an toàn, đảm bảo yếu tố bí mật, ấn định các độ mật tài liệu soạn thảo, in, sao, chụp...;

đ) Bộ phận văn thư - lưu trữ và người được giao xử lý tài liệu mật có trách nhiệm vào sổ phân phối để theo dõi, quản lý thu hồi theo quy định (các dấu độ mật, dấu thu hồi... theo mẫu thống nhất do Bộ Công an quy định).

2. Bí mật nhà nước ở dạng băng, đĩa khi sao chụp phải được niêm phong và đóng dấu độ mật, ghi rõ tên người sao chụp ở bì niêm phong.

#### **Điều 9. Phổ biến, nghiên cứu tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước**

Việc phổ biến, nghiên cứu, trao đổi, sử dụng các thông tin, tài liệu, số liệu, sự việc, sự kiện thuộc danh mục bí mật nhà nước phải thực hiện đúng nguyên tắc, đúng quy định, đúng tiêu chuẩn (về đối tượng, nội dung, thủ tục, địa điểm, tổ chức và trình tự các hoạt động đó).

Chỉ được ghi chép, ghi âm, ghi hình khi được phép của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý bí mật. Các băng ghi âm, ghi hình phải được quản lý, bảo vệ như tài liệu gốc.

#### **Điều 10. Vận chuyển, giao nhận tài liệu, vật mang bí mật nhà nước**

Tài liệu, vật mang bí mật nhà nước khi vận chuyển, giao nhận phải thực hiện theo quy định sau:

1. Vận chuyển, giao nhận tài liệu, vật mang bí mật nhà nước ở trong nước do cán bộ làm công tác bảo mật hoặc cán bộ giao liên riêng của cơ quan, tổ chức thực hiện. Nếu vận chuyển, giao nhận theo đường bưu điện phải thực hiện theo quy định riêng của ngành bưu điện;

2. Vận chuyển, giao nhận tài liệu, vật mang bí mật nhà nước giữa cơ quan, tổ chức trong nước với cơ quan, tổ chức của nhà nước Việt Nam ở nước ngoài do lực lượng giao liên ngoại giao thực hiện;

3. Mọi trường hợp vận chuyển, giao nhận tài liệu, vật mang bí mật nhà nước thông qua các đơn vị và giao liên phải thực hiện nguyên tắc giữ kín, niêm phong;

4. Khi vận chuyển tài liệu, vật mang bí mật nhà nước phải có đủ phương tiện bảo quản và lực lượng bảo vệ để đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển;

5. Nơi gửi và nhận phải tổ chức kiểm tra, đối chiếu nhằm phát hiện những sai sót, mất mát để xử lý kịp thời; việc giao, nhận phải được ghi đầy đủ vào sổ theo dõi riêng, người nhận phải ký nhận;

6. Cán bộ đi công tác chỉ được mang những tài liệu, vật thuộc phạm vi bí mật nhà nước có liên quan đến nhiệm vụ được giao; phải được lãnh đạo trực tiếp duyệt và đăng ký với bộ phận bảo mật; phải có kế hoạch bảo vệ tài liệu, vật mang bí mật nhà nước trong thời gian mang đi công tác; khi hoàn thành nhiệm vụ phải cùng bộ phận bảo mật kiểm tra và nộp lại cơ quan.

#### **Điều 11. Thống kê, lưu giữ, bảo quản tài liệu, vật mang bí mật nhà nước.**

1. Các cơ quan, tổ chức, địa phương lưu giữ bí mật nhà nước phải thống kê tài liệu, vật thuộc phạm vi bí mật nhà nước của mình theo trình tự thời gian và từng độ mật.

2. Tài liệu, vật thuộc phạm vi bí mật nhà nước độ “Tuyệt mật”, “Tối mật” phải được lưu giữ riêng, có phương tiện bảo quản, bảo vệ đảm bảo an toàn. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý bí mật nhà nước phải thường xuyên kiểm tra, chỉ đạo việc thống kê, cất giữ, bảo quản bí mật nhà nước trong phạm vi quyền hạn của mình.

### **Điều 12. Tiêu hủy tài liệu, vật mang bí mật nhà nước**

1. Việc tiêu hủy tài liệu, vật mang bí mật nhà nước thuộc độ “Tuyệt mật”, “Tối mật” và “Mật” ở các cơ quan ban ngành thành phố do Giám đốc Sở (hoặc tương đương) quyết định (đối với mật mã thực hiện theo quy định của Ban Cơ yếu Chính phủ).

2. Trong quá trình tiêu hủy tài liệu, vật mang bí mật nhà nước phải đảm bảo yêu cầu không để lộ, lọt bí mật nhà nước. Tiêu hủy vật thuộc phạm vi bí mật nhà nước phải làm thay đổi hình dạng và tính năng, tác dụng. Tiêu hủy tài liệu phải đốt, xén nghiền nhỏ, đảm bảo không thể phục hồi được.

3. Trong trường hợp đặc biệt không có điều kiện tổ chức tiêu hủy tài liệu, vật mang bí mật nhà nước theo các quy định trên, nếu tài liệu, vật mang bí mật nhà nước không được tiêu hủy ngay sẽ gây hậu quả nghiêm trọng cho an ninh quốc phòng hoặc các lợi ích khác của Nhà nước, thì người đang quản lý tài liệu, vật mang bí mật nhà nước đó được quyền tự tiêu hủy, nhưng sau đó phải báo cáo bằng văn bản với người đứng đầu cơ quan, tổ chức và cơ quan Công an cùng cấp. Nếu việc tự tiêu hủy tài liệu, vật mang bí mật nhà nước không có lý do chính đáng thì người tự tiêu hủy phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

### **Điều 13. Bảo vệ bí mật trong thông tin liên lạc**

Không được trao đổi thông tin có độ mật qua các phương tiện thông tin vô tuyến, hữu tuyến hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác. Nếu được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển bí mật nhà nước thì phải mã hóa theo quy định của Nhà nước về công tác cơ yếu.

Các cơ quan, đoàn thể, tổ chức kinh tế - xã hội và mọi công dân muốn sản xuất, mua bán, lắp đặt, sử dụng phương tiện phát sóng đều phải đăng ký và chịu sự quản lý của các ngành chức năng, theo quy định của pháp luật.

### **Điều 14. Bảo vệ bí mật nhà nước trong quan hệ, tiếp xúc, làm việc với tổ chức hoặc người nước ngoài**

Mọi tổ chức và cá nhân khi quan hệ, tiếp xúc với tổ chức hoặc người nước ngoài phải có ý thức giữ gìn bí mật nhà nước và chấp hành đúng quy định của pháp luật. Trong trường hợp thi hành công vụ mà nội dung quan hệ tiếp xúc có liên quan đến bí mật nhà nước, thì chỉ được thông tin những nội dung được cấp có thẩm quyền cho phép, phải ghi biên bản những nội dung tiếp xúc, báo cáo với người đã duyệt và nộp lại tại bộ phận bảo mật.

Việc cung cấp những thông tin có liên quan đến bí mật nhà nước cho người nước ngoài phải được cân nhắc kỹ theo nguyên tắc:

a) Đảm bảo lợi ích đất nước;

b) Chỉ được cung cấp những bí mật được cấp có thẩm quyền xét duyệt:

- Bí mật nhà nước thuộc độ “Tuyệt mật” do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Bí mật nhà nước thuộc độ “Tối mật” do Bộ Công an duyệt;

- Bí mật nhà nước thuộc độ “Mật” do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố duyệt;

c) Chỉ được cung cấp cho đối tượng được duyệt và yêu cầu bên nhận tin sử dụng đúng mục đích thỏa thuận và không được tiết lộ cho bên thứ ba.

## **Chương IV THẨM QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA THỦ TRƯỞNG,**

## **CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN BÍ MẬT NHÀ NƯỚC**

### **Điều 15. Thẩm quyền, trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố**

1. Tổ chức thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định của Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước và các văn bản pháp luật khác có liên quan;
2. Ban hành và tổ chức thực hiện nội quy bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định của Chính phủ;
3. Lập danh mục, thay đổi độ mật, giải mật bí mật nhà nước, gửi cấp có thẩm quyền quyết định;
4. Bố trí cán bộ làm công tác bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định của Chính phủ;
5. Tuyên truyền, giáo dục những người thuộc quyền quản lý của mình nâng cao trách nhiệm cảnh giác và nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật bảo vệ bí mật nhà nước;
6. Thực hiện chế độ báo cáo về công tác bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định của Chính phủ.

### **Điều 16. Thẩm quyền, trách nhiệm của giám đốc sở, thủ trưởng cơ quan ban ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận huyện, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân các cấp và thủ trưởng cơ quan, đơn vị**

1. Ban hành và chỉ đạo việc thực hiện nội quy bảo vệ bí mật nhà nước theo Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành;
2. Cử cán bộ có đủ tiêu chuẩn để tổ chức thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước thuộc đơn vị, địa phương mình;
3. Tổ chức thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân thành phố;
4. Lãnh đạo, kiểm tra cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý tại cơ quan, đơn vị, địa phương nâng cao ý thức cảnh giác và chấp hành nghiêm Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước;
5. Thực hiện chế độ báo cáo về công tác bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định.

### **Điều 17. Thẩm quyền, trách nhiệm người soạn thảo tài liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước**

1. Ấn định các độ "Mật" quy định đối tượng và địa chỉ nơi nhận;
2. Kiểm tra, quản lý người vận chuyển, giao nhận, sử dụng tài liệu đã ấn định các độ "Mật" theo đúng quy định;
3. Không được soạn thảo thừa, những tài liệu soạn thảo thừa phải tiêu hủy và có sự chứng kiến của lãnh đạo trực tiếp (kể cả bản thảo, văn bản hư hỏng, đĩa vi tính...).

### **Điều 18. Tiêu chuẩn, trách nhiệm của người được giao làm công tác bảo mật chuyên trách hoặc bán chuyên trách**

Cán bộ làm công tác bảo mật phải có phẩm chất chính trị vững vàng và phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ và năng lực hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Trách nhiệm của cán bộ làm công tác bảo mật phải nắm chắc và thực hiện đúng Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước và làm cam kết bảo vệ bí mật nhà nước bằng văn bản.

### **Điều 19. Thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ bí mật nhà nước**

Việc thanh tra, kiểm tra định kỳ và đột xuất về công tác bảo vệ bí mật nhà nước sẽ được áp dụng trên các lĩnh vực đối với từng việc, từng cá nhân, từng khâu công tác, từng cơ quan, tổ chức trong phạm vi toàn thành phố.

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm tổ chức thực hiện thanh tra công tác bảo vệ bí mật nhà nước đối với các cơ quan, tổ chức trong thành phố (kể cả cơ quan Trung ương đóng tại địa phương) mỗi năm ít nhất một lần; trên cơ sở đó kịp thời điều chỉnh, bổ sung Quy chế Bảo vệ bí mật nhà nước cho phù hợp với tình hình thực tế.

2. Thủ trưởng cơ quan ban ngành, đơn vị và địa phương thường xuyên kiểm tra về công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong phạm vi quản lý của mình.

3. Thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ bí mật nhà nước phải đánh giá đúng những ưu, khuyết điểm, phát hiện những thiếu sót, sơ hở và có những biện pháp khắc phục ngay. Trong trường hợp không khắc phục được thì phải kịp thời báo cáo, kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét.

4. Việc thanh tra, kiểm tra phải có biên bản ghi chép đầy đủ để lưu và báo cáo về cấp trên trực tiếp theo hệ thống dọc, đồng thời gửi cơ quan Công an cùng cấp để theo dõi.

## **Chương V** **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 20. Trách nhiệm thi hành**

Mọi tổ chức, cá nhân trong phạm vi thành phố Cần Thơ có trách nhiệm nghiêm chỉnh thực hiện Quy chế này.

Từng cơ quan, đơn vị và địa phương căn cứ Quy chế này để xây dựng quy trình và có biện pháp cụ thể triển khai và tổ chức thực hiện tốt công tác bảo vệ bí mật nhà nước tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

### **Điều 21. Khen thưởng**

Cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có một trong những thành tích sau đây sẽ được khen thưởng theo chế độ của Nhà nước:

1. Phát hiện và tố giác kịp thời mọi hành vi làm lộ bí mật nhà nước như dò xét, chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy trái phép... bí mật nhà nước;

2. Khắc phục mọi khó khăn, nguy hiểm để bảo vệ bí mật nhà nước;

3. Tìm được tài liệu, vật thuộc bí mật nhà nước bị mất, ngăn chặn hoặc hạn chế được hậu quả, tác hại do việc làm lộ, làm mất, chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy trái phép bí mật nhà nước do người khác gây ra;

4. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ bí mật nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

### **Điều 22. Xử lý vi phạm**

Cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có hành vi chiếm đoạt, mua bán, làm lộ, làm mất bí mật nhà nước; lợi dụng việc bảo vệ bí mật nhà nước để che giấu hành vi vi phạm pháp luật, tiêu hủy trái phép bí mật nhà nước, gây ảnh hưởng đến công cuộc bảo vệ an ninh quốc phòng, phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội khoa học kỹ thuật của đất nước thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**

**Trần Thanh Mẫn**